

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 76/KH-THPT.ĐST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Trường THPT Đào Sơn Tây)

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	47	1,33m ² /HS
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	47	1.24
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	8	2.33
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	2.33
7	Bình quân phòng học/ lớp	47/47	1
8	Bình quân học sinh/lớp	2099/47	44.66
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	12.304	6.8
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4.550	10.12
	Diện tích sàn Xây dựng (m ²)	11.928	
	- Trệt: 2850		
	- Lầu 1, 2, 3: 2826 x 3 = 8.478		
	- Nhà thi đấu: 600		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²) – 45 phòng	2700	1,5
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²) – 8 phòng	900	0.5
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	30	30
3	Diện tích thư viện (m ²)	60	60
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	600	600
5	Diện tích phòng khác (Phòng Đoàn, phòng truyền thống,) (m ²)	120	120
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định	03 bộ	03/47
1.1	Khối lớp 10	1	1/16
1.2	Khối lớp 11	1	1/16
1.3	Khối lớp 12	1	1/15
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định	0	0
2.1	Khối lớp 10	0	0
2.2	Khối lớp 11	0	0

TT	Nội dung		Số lượng	Bình quân		
2.3	Khối lớp 12		0	0		
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		150 m ²			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		135	HS/1bộ		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số lượng	Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		47	47/47		
2	Cát sét		07			
3	Đầu Video/đầu đĩa		47			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		1	1/1		
5	Camera (tổng 68, 3 camera bị hư)		65			
6	Máy in		12			
7	Máy Photo (có 2 máy bị hư)		0			
	Nội dung	Số lượng (m ²)				
X	Nhà bếp	526				
XI	Nhà ăn	100				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	1680	924	2m ² /hs		
XIII	Khu nội trú	0	0			
XI V	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x	0	x	0	0.16m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Tp.HCM, ngày 05 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Thị Hảo